

và khai trừ khỏi Hiệp hội. Trường hợp tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền lợi của Hiệp hội, Ban Chấp hành sẽ yêu cầu các cơ quan pháp luật can thiệp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

30.1. Bản điều lệ này có bảy (07) chương, ba mươi (30) điều là Điều lệ của Hiệp hội Kính xây dựng Việt Nam.

30.2. Điều lệ của Hiệp hội Kính xây dựng Việt Nam có giá trị thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ và chỉ có Đại hội toàn thể của Hiệp hội mới có quyền được sửa đổi, bổ sung Điều lệ./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1535/2004/QĐ-NHNN ngày 02/12/2004 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Công nghệ tin học ngân hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Công nghệ tin học ngân hàng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 156/1999/QĐ-NHNN9 ngày 06/5/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Công nghệ tin học ngân hàng và Quyết định số 157/1999/QĐ-NHNN9 ngày 06/5/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Chi cục

0967774

Công nghệ tin học ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

QUY CHẾ Tổ chức và hoạt động của Cục Công nghệ tin học ngân hàng

(ban hành kèm theo Quyết định số 1535/2004/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Cục Công nghệ tin học ngân hàng (gọi tắt là Cục Công nghệ) là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ tin học trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng.

Điều 2. Cục Công nghệ có con dấu riêng, được Ngân hàng Nhà nước cấp

kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều hành hoạt động của Cục Công nghệ là Cục trưởng; giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng. Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Thống đốc bổ nhiệm. Tổ chức và hoạt động của Cục Công nghệ thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CỤC CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGÂN HÀNG

Điều 4. Cục Công nghệ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Xây dựng, trình Thống đốc các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Xây dựng, trình Thống đốc chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tin học thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

3. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án chuyên ngành đã được phê duyệt; ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn thuộc chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền.

4. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án chuyên ngành đã được phê duyệt;

yêu cầu các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu, số liệu, thông tin cần thiết để thực thi nhiệm vụ của mình.

5. Tham mưu giúp Thống đốc thẩm định các dự án về công nghệ tin học của các tổ chức tín dụng nhà nước.

6. Tham mưu cho Thống đốc trong việc trang bị lắp đặt hệ thống kỹ thuật và quản lý thống nhất các hoạt động ứng dụng công nghệ tin học thuộc Ngân hàng Nhà nước.

7. Hướng dẫn bảo trì, đảm bảo hệ thống trang thiết bị kỹ thuật tin học của Ngân hàng Nhà nước hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia và ngành Ngân hàng.

8. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu cải tiến và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ phù hợp với việc ứng dụng công nghệ tin học.

9. Quản lý về mặt kỹ thuật và vận hành Website của Ngân hàng Nhà nước.

10. Quản lý về mặt kỹ thuật và vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng; cấp phát và quản lý mã khóa bảo mật của các thành viên và đơn vị thành viên tham gia hệ thống.

11. Quản lý các hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước (hệ thống kho dữ liệu, kho dữ liệu dự phòng); làm đầu mối tổ chức thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp thông tin ngân hàng phục vụ việc quản lý và điều hành của Ngân

hàng Nhà nước; cấp phát và quản lý mã khóa bảo mật các hệ thống mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước.

12. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học trong ngành Ngân hàng; hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước trong việc nghiên cứu và triển khai công nghệ tin học vào hoạt động ngân hàng.

13. Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức bồi dưỡng, tập huấn tin học ứng dụng và phổ biến những kiến thức mới về công nghệ tin học cho cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước.

14. Phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế thuộc chuyên ngành; tiếp nhận, quản lý các dự án nước ngoài về công nghệ tin học của Ngành khi được Thống đốc giao.

15. Phát hành Tạp chí Tin học ngân hàng phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về công nghệ tin học.

16. Làm các dịch vụ về công nghệ tin học theo quy định của pháp luật.

17. Ký các hợp đồng về mua sắm, lắp đặt trang thiết bị tin học theo ủy quyền của Thống đốc.

18. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thống đốc giao.

Chương III
**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ
ĐIỀU HÀNH**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ gồm:

1. Các phòng:

- Phòng Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển phần mềm (gọi tắt là Phòng Kỹ thuật I);

- Phòng Công nghệ phần cứng và đảm bảo hoạt động của hệ thống (gọi tắt là Phòng Kỹ thuật II);

- Phòng Quản lý các hệ thống thông tin và mạng (gọi tắt là Phòng Quản lý thông tin);

- Phòng Quản lý các dự án tin học (gọi tắt là Phòng Dự án);

- Phòng Kế toán - Tài vụ;

- Phòng Hành chính - Nhân sự.

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của các phòng do Cục trưởng quy định.

2. Đơn vị trực thuộc:

a) Chi cục Công nghệ tin học Ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Chi cục Công nghệ);

Cơ cấu tổ chức của Chi cục Công nghệ gồm:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;

- Phòng Kỹ thuật;

- Phòng Quản lý - Thông tin.

Chi cục Công nghệ có tài khoản và con dấu riêng để giao dịch. Điều hành Chi cục là Chi cục trưởng, giúp việc Chi cục trưởng có một số Phó Chi cục trưởng; Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng do Thống đốc bổ nhiệm. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Chi cục do Cục trưởng quy định.

b) Tạp chí Tin học Ngân hàng;

Tạp chí Tin học Ngân hàng có con dấu riêng để giao dịch. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tạp chí do Cục trưởng quy định.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cục trưởng

1. Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cục được quy định tại Điều 4 Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Thống đốc và pháp luật về mọi mặt hoạt động của Cục.

2. Quyết định chương trình, kế hoạch và biện pháp thực hiện các mặt công tác của Cục.

3. Thực hiện việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo phân cấp ủy quyền của Thống đốc.

4. Thừa lệnh Thống đốc ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Cục trưởng

1. Giúp Cục trưởng chỉ đạo điều hành một số mặt công tác theo phân công của Cục trưởng và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về những việc được giao.

2. Ký thay Cục trưởng trên các văn bản, giấy tờ theo sự phân công của Cục trưởng.

3. Khi Cục trưởng vắng mặt, một Phó Cục trưởng được ủy quyền điều hành công việc chung của Cục, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về những việc đã giải quyết và báo cáo lại khi Cục trưởng có mặt.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1550/2004/QĐ-NHNN ngày 06/12/2004 về quản lý ngoại hối đối với việc mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 146/2003/QĐ-TTg ngày 17/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này điều chỉnh các giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động mua, bán chứng khoán được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm việc chuyển vốn vào Việt Nam để mua, bán chứng khoán, chuyển đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, mở và sử dụng tài khoản Đồng Việt Nam để mua, bán chứng khoán, chuyển đổi Đồng Việt Nam ra ngoại tệ và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Các giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh